

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **184/2024/DS-ST**

Ngày: 19/12/2024

V/v: Chia thừa kế theo pháp luật.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc Chia thừa kế tài sản theo pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2024/QĐ- HPT ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh B, sinh 1955; HKTT: xx Khu đô thị Đ, H, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Nhà xx C, phường X, quận T, Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Tiến T, sinh năm 1968; HKTT và nơi ở hiện nay: V, quận B, Hà Nội (Theo hợp đồng uỷ quyền số công chứng 4314 ngày 11/7/2024). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thanh C, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số xx, T, phường T, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lê Hoàng A, sinh 1972; Địa chỉ: Số xx, T, phường T, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lê H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số xx, T, phường T, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà Lê Nghiêm T, sinh năm 1945; Địa chỉ: Số xx, L, phường B, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

5. Chị Thẩm Song U, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

6. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên toà.

7. Anh Thẩm Anh L, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

8. Chị Lê Minh N, sinh 1985, Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội; Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

9. Anh Lê N1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

10. UBND quận H, thành phố Hà Nội. Trụ sở: Số xx Đ, phường C, quận H, Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Đình T- Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường quận H (theo văn bản số 2271/UBND-TNMT ngày 25/10/2024). Ông T có đơn xin vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thanh B và đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lê K (mất ngày 17/02/1990) và cụ Nghiêm Thị L (mất ngày 10/4/2000). Cụ K và cụ L mất không để lại di chúc. Cụ K và cụ L sinh được 05 người con là:

1. Ông Lê D, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số xx, T, phường T, quận H, Hà Nội. Mất 05/8/2020, không để lại di chúc.

- Vợ : Bà Hoàng Thanh C, sinh năm 1949;

- Con thứ nhất: Chị Lê Hoàng A, sinh 1972;

- Con thứ hai: Anh Lê H, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số xx, T, phường T, quận H, Hà Nội.

2. Bà Lê Nghiêm T, sinh năm 1945; Địa chỉ: Số xx, L, phường B, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Cẩm C, sinh năm 1948. Mất 17/6/2014, không để lại di chúc.

- Chồng: Ông Thẩm Ngọc A, sinh năm 1932. Mất 18/12/2009- không để lại di chúc

- Con thứ nhất: Chị Thẩm Song U, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội.

- Con thứ hai: Anh Thẩm Anh T, sinh năm 1975. Mất 12/7/2014- không để lại di chúc (Có vợ là chị Bùi Thị T1, sinh năm 1978; Có 01 con là: Thẩm Anh L, sinh 13/8/2001; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội).

4. Ông Lê T, sinh năm 1950. Mất ngày 30/12/2022 - không để lại di chúc.

- Vợ : Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 1 N, phường N, quận H, Hà Nội.

- Con thứ nhất: Chị Lê Minh N, sinh 1985, Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội;

- Con thứ hai: Anh Lê N1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội.

5. Bà Lê Thanh B, sinh 1955; HKTT: xx Khu đô thị Đ, H, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Nhà xx, phường X, quận T, Hà Nội.

Ngoài những người con trên, cụ K và cụ L không có con nuôi, con đẻ nào khác.

Khi còn sống, bố mẹ bà có tài sản chung là căn hộ số xx- nhà số xx phố N, phường N, quận H, Hà Nội có diện tích là 13,50 m². Năm 1960, nhà đất trên thuộc khu tập thể của Ủy ban kế hoạch nhà nước phân cho các gia đình cán bộ của cơ quan Ủy ban kế hoạch nhà nước. Đến khoảng năm 1998- 1999, cụ L đã làm các thủ tục mua lại căn hộ trên theo Nghị định 61 và được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107015022, hồ sơ gốc số 1664.2000.QĐUB.4992.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 18/4/2000 (lúc này cụ K đã mất). Ngoài tài sản chung là căn hộ trên 2 cụ không có tài sản chung nào khác. Hiện nhà đất đang do con dâu là bà Nguyễn Thị Kim O (vợ ông T) là người đang quản lý sử dụng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế là căn hộ số xx- nhà số xx phố N, phường N, quận H, Hà Nội thành 5 phần bằng nhau cho 05 người con theo quy định của pháp luật. Kỷ phần thừa kế của bà được hưởng đến đâu, bà xin được hưởng đến đó và xin được chia hưởng bằng tiền theo giá do Tòa án thẩm định và định giá tại theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- bà Nguyễn Thị Kim O xác nhận nguồn gốc tài sản thừa kế và các hàng thừa kế như nguyên đơn bà Lê Thanh B trình bày như trên là đúng.

Bà O xác nhận tài sản thừa kế mà nguyên đơn yêu cầu chia là căn hộ số 104- nhà số xx phố N, phường N, quận H, Hà Nội có diện tích là 13,50 m² là của cụ K và cụ L là bố mẹ chồng của bà. Sau khi kết hôn với ông T, vợ chồng bà ở cùng với 2 cụ tại căn hộ này. Nay cụ K, cụ L, ông T đều đã mất, bà là người tiếp tục quản lý và sử dụng căn hộ cho đến nay. Nay bà B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với căn hộ trên cho 5 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà B, đồng ý chia tài sản thừa kế là căn hộ trên làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Do chồng bà là ông Lê T (là người con thứ 4 của cụ K và cụ L) đã chết nên kỷ phần thừa kế của bà được hưởng đến đâu bà xin được hưởng đến đó và xin được hưởng bằng hiện vật. Bà sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế còn lại cho các đồng thừa kế và các hàng thừa kế của các đồng thừa kế khác bằng tiền theo giá do Tòa án thẩm định và định giá tại thời điểm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024 do Tòa án thực hiện). Ngoài ra bà O không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê N1 và chị Lê Minh N xác nhận: Anh N1 và chị N là con đẻ của ông Lê T và bà Nguyễn Thị Kim O. Ngoài anh N1, chị N ra ông T, bà O không còn người con đẻ, con nuôi nào khác. Ông Lê T chết ngày 30/12/2022 không để lại di chúc. Nguồn gốc tài sản thừa kế và các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như nguyên đơn, bị đơn trình bày như trên là đúng. Anh N1, chị N nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến quan điểm của bị đơn. Đồng ý chia tài sản thừa kế của cụ K và cụ L thành 5 phần bằng nhau cho 5 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Ký phần thừa kế theo quy định của pháp luật của anh N1, chị N được hưởng đến đâu anh N1, chị N xin được hưởng đến đó và xin được nhường lại cho mẹ là bà Nguyễn Thị Kim O được hưởng toàn bộ. Anh N1, chị N không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin được vắng mặt tại phiên toà.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh C trình bày: Bà là vợ của ông Lê D là con trai lớn của cụ K và cụ L. Ông D mất ngày 05/8/2020, không để lại di chúc. Bà và ông D có 02 người con đẻ là chị Lê Hoàng A và anh Lê H. Ngoài ra ông bà không có người con đẻ con nuôi nào khác. Bà xác nhận nguồn gốc căn hộ số xx- nhà số xx phố N, phường N, quận H, Hà Nội có diện tích là 13,50 m2 là tài sản thừa kế của cụ K cụ L, xác nhận các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như nguyên đơn, bị đơn trình bày như trên là đúng. Bà C nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến quan điểm của bị đơn, đồng ý chia tài sản thừa kế là căn hộ trên làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Do chồng bà là ông Lê D đã chết nên ký phần thừa kế của bà được hưởng đến đâu bà xin được hưởng đến đó và xin được hưởng bằng tiền theo giá tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024 của Toà án. Ngoài ra bà không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Hoàng A và anh Lê H xác nhận chị Hoàng A và anh H là con của bà Hoàng Thanh C và ông Lê D. Xác nhận ông D mất ngày 05/8/2020, không để lại di chúc. Xác nhận nguồn gốc tài sản thừa kế của cụ K cụ L và các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như nguyên đơn, bị đơn trình bày như trên là đúng. Chị Hoàng A và anh H nhất trí chia tài sản thừa kế là căn hộ trên làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Do ông Lê D đã chết nên ký phần thừa kế của chị Hoàng A và anh H được hưởng đến đâu anh chị xin được hưởng đến đó và xin được nhường lại cho mẹ là bà Hoàng Thanh C được hưởng toàn bộ. Chị Hoàng A và anh H không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin được vắng mặt tại phiên toà.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Nghiêm T trình bày: Bà là con gái thứ hai trong tổng số 05 người con của cụ K và cụ L. Bà xác nhận nguồn gốc căn hộ số xx- nhà số x phố N, phường N, quận H, Hà Nội có diện tích là 13,50 m2 là tài sản thừa kế của cụ K cụ L, xác nhận các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như nguyên đơn, bị đơn trình bày như trên là đúng. Bà T nhất

trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến quan điểm của bị đơn, đồng ý chia tài sản thừa kế là căn hộ trên làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Kỷ phần thừa kế của bà được hưởng đến đâu bà xin được hưởng đến đó và xin được hưởng bằng tiền theo giá do Toà án xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024. Ngoài ra bà không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Thẩm Song U trình bày: Bố mẹ chị là ông Thẩm Ngọc A và bà Lê Cẩm C (bà C con gái thứ ba trong số 5 người con của cụ K và cụ L). Bà C và ông Thẩm Ngọc A có 02 người con là chị và anh Thẩm Anh T. Bà C mất 17/6/2014, không để lại di chúc. Ông Thẩm Ngọc A mất 18/12/2009, không để lại di chúc. Anh Thẩm Anh T mất 12/7/2014, không để lại di chúc. Anh T có vợ là chị Bùi Thị T1 và có 01 con trai là Thẩm Anh L. Hiện tại chị T1 đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, cũng không báo lại cho gia đình biết hiện chị T1 đang ở đâu. Ở nhà chỉ còn lại chị và cháu Thẩm Anh L. Chị xác nhận nguồn gốc tài sản thừa kế của cụ K cụ L và các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như các bên đã trình bày ở trên là đúng. Chị U nhất trí chia tài sản thừa kế là căn hộ trên làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Do bố mẹ chị và anh trai chị đều đã chết nên kỷ phần thừa kế của chị được hưởng đến đâu chị xin được hưởng đến đó và xin được hưởng bằng tiền theo giá tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024 của Toà án. Ngoài ra chị U không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Thẩm Anh L trình bày: Bố anh là Thẩm Anh T (là con trai của bà Lê Cẩm C), mẹ anh là Bùi Thị T1. Bố mẹ anh L có 01 người con duy nhất là anh, ngoài ra không có người con đẻ con nuôi nào khác. Ngày 12/7/2014, bố anh là Thẩm Anh T chết không để lại di chúc. Mẹ Bùi Thị T1 hiện đang đi làm ăn xa không để lại địa chỉ. Ở nhà chỉ còn lại anh và cô ruột là Thẩm Song U sinh sống. Anh L xác nhận nguồn gốc tài sản thừa kế của cụ K cụ L và các hàng thừa kế của cụ K, cụ L như các bên đã trình bày ở trên là đúng. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản thừa kế của cụ K và cụ L làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K, cụ L theo quy định của pháp luật. Do ông bà nội và bố đẻ của anh đều đã chết nên kỷ phần thừa kế của anh được hưởng đến đâu anh xin được hưởng đến đó và xin được hưởng bằng tiền theo giá tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024 của Toà án. Ngoài ra anh L không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết và xét xử vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để chị T1 đến Tòa trình bày ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế, qua các tài liệu do Xí nghiệp quản lý và phát triển nhà H cung cấp thể hiện: Ngoài phần diện tích 13.5 m² được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số xx ngày 18/4/2000, còn có phần diện tích 11,6m² phía trước giáp mặt phố N là do hộ gia đình tự coi nói, xây dựng thêm trong khuôn viên đất thuộc sở hữu nhà nước (thuộc đất công do UBND quận H quản lý). Các đương sự đều thống nhất xác nhận phần các công trình xây dựng trên phần diện tích 13.5 m² và phần coi nói xây dựng trên diện tích 11,6m² là do bà Nguyễn Thị Kim O coi nói, xây dựng và cải tạo nên không yêu cầu xem xét giải quyết, chỉ yêu cầu được chia hưởng thừa kế đối với giá trị quyền sử dụng đất của phần diện tích 13.5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107015022, hồ sơ gốc số 1664.2000.QĐUB.4992.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 18/4/2000 mang tên cụ Nghiêm Thị L.

UBND quận H có quan điểm phần đất diện tích 11,6m² phía trước giáp mặt phố N là do hộ dân tự coi nói, xây dựng thêm trong khuôn viên đất thuộc sở hữu nhà nước (thuộc đất công), phần diện tích đất này không thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của UBND quận H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất của phần diện tích 13.5 m² căn hộ số xx- nhà số xx phố N, phường N, quận H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số xx, hồ sơ gốc số 1664.2000.QĐUB.4992.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 18/4/2000 mang tên cụ Nghiêm Thị L thành 5 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ K và cụ L theo quy định của pháp luật. Kỷ phần thừa kế của bà B được hưởng đến đâu, bà xin được hưởng đến đó và xin được chia hưởng bằng tiền theo giá do Tòa án xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2024. Bà B không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên các ý kiến quan điểm đã trình bày và đều có đơn xin vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B, xác định căn hộ số xx- nhà số xx diện tích 13.5 m² phố N, phường N, quận H, Hà Nội là di sản thừa kế của cụ K và cụ L được chia theo pháp luật làm 5 kỷ phần bằng nhau cho 5 người con của cụ K và cụ L, giá trị mỗi kỷ phần ông D, bà T, bà C, ông T, bà B mỗi người được hưởng là $4.050.000.000/5 = 810.000.000$ đồng. Do ông D mất ngày 5/8/2020

không để lại di chúc nên phần di sản ông D được chia cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông D là bà C, chị Hoàng, anh H mỗi người được hưởng: $810.000.000/3 = 270.000.000$ đồng. Do ông T mất ngày 30/12/2022, không để lại di chúc nên phần di sản ông T được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bà O, chị N, anh N1 mỗi người được hưởng $810.000.000/3 = 270.000.000$ đồng. Do bà C mất ngày 17/6/2014, ông Thẩm Ngọc A mất ngày 18/12/2009 không để lại di chúc nên di sản thừa kế của bà C được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C là chị Thẩm Song U, anh Thẩm Anh T, mỗi người được hưởng là $810.000.000/2 = 405.000.000$ đồng. Do anh Thẩm Anh T mất ngày 12/7/2014 (sau thời điểm bà C mất), không để lại di chúc nên phần di sản anh Tuấn được hưởng sẽ do hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn là chị Bùi Thị T1 (vợ) và anh Thẩm Anh L (con trai) thừa hưởng lại, mỗi người được hưởng $405.000.000/2 = 202.500.000$ đồng. Do hiện nay chị T1 không có mặt tại cư trú nên kỹ phần thừa kế chị T1 được hưởng sẽ tạm thời giao cho anh L (con trai của chị T1) quản lý.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O, giao tài sản thừa kế là căn hộ số xx, nhà số 1, phố N, phường N, quận H, Hà Nội cho bà O tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà O có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác phần giá trị tương đương với giá trị kỹ phần mà các đồng thừa kế đó được hưởng. Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thanh B khởi kiện vụ án Chia tài sản thừa theo pháp luật đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O có địa chỉ tại số xx N, phường N, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Bùi Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị T1 không đến Tòa để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim O và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ huyết thống và xác định các hàng thừa kế theo pháp luật:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ gồm Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng tử, Sơ yếu lý lịch tự thuật có cơ sở để Tòa án xác định cụ Lê K (mất ngày 17/02/1990) và cụ Nghiêm Thị L (mất ngày 10/4/2000). Cụ K và cụ L mất không để lại di chúc. Cụ K và cụ L sinh được 05 người con gồm:

1. Ông Lê D (mất 05/8/2020, không để lại di chúc) có vợ là bà Hoàng Thanh C và hai con là chị Lê Hoàng A và anh Lê H. Ông Dũng không có vợ hay con đẻ, con riêng, con nuôi nào khác.

2. Bà Lê Nghiêm T.

3. Bà Lê Cẩm C (mất 17/6/2014, không để lại di chúc) có chồng là ông Thẩm Ngọc A (mất 18/12/2009- không để lại di chúc) và có hai con là chị Thẩm Song U và anh Thẩm Anh T. Anh T mất 12/7/2014- không để lại di chúc, có vợ là chị Bùi Thị T1 và có 01 con trai là Thẩm Anh L, sinh 13/8/2001; Địa chỉ: Số xx N, phường N, quận H, Hà Nội). Bà C và ông Ngọc A không có con đẻ, con riêng, con nuôi nào khác.

4. Ông Lê T (mất ngày 30/12/2022 - không để lại di chúc). Ông T có vợ là Bà Nguyễn Thị Kim O và hai con là chị Lê Minh N và anh Lê N1. Ông T không có vợ hay con đẻ, con riêng, con nuôi nào khác.

5. Bà Lê Thanh B

Ngoài những người con trên, cụ K và cụ L không có con nuôi, con đẻ nào khác. Do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ L gồm: ông Lê D, bà Lê Nghiêm T, bà Lê Cẩm C, ông Lê T, bà Lê Thanh B. Do ông Lê D (mất năm 2020), bà Lê Cẩm C (mất năm 2014), ông Lê T (mất năm 2022) đều mất sau thời điểm cụ Lê K, cụ Nghiêm Thị L mất nên phần di sản ông D, bà C, ông T được hưởng sẽ do hàng thừa kế thứ nhất của các ông bà thừa hưởng lại.

[3] Về nguồn gốc và giá trị di sản thừa kế của cụ Lê K, cụ Nghiêm Thị L: Nguồn gốc căn hộ số xx, nhà số 1, phố N, phường N, quận H, Hà Nội là nhà đất thuộc khu tập thể của Ủy ban kế hoạch nhà nước phân cho cụ K và cụ L là gia đình cán bộ của Cơ quan Ủy ban kế hoạch nhà nước. Thời điểm cụ K còn sống chưa làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000, sau khi cụ K mất, cụ L đã làm thủ tục mua lại căn hộ nêu trên theo quy định tại Nghị định số 61 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số xx, hồ sơ gốc số 1664.2000.QĐUB.4992.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 18/4/2000 mang tên cụ Nghiêm Thị L. Hiện nay, căn hộ do bà Nguyễn Thị Kim O (vợ của ông Lê T) là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý sử dụng căn hộ, bà O đã thực hiện việc tôn tạo, sửa chữa và coi nơi căn hộ. Theo biên bản thẩm định, định giá căn hộ số xx, nhà số xx, phố N, phường N, quận H, Hà Nội ngày 09/7/2024 giá trị quyền sử dụng đất là $13.5m^2 \times 300.000.000 \text{ đồng}/m^2 = 4.050.000.000 \text{ đồng}$, giá trị xây dựng: $24.8m^2 \times 6.163.000 \text{ đồng} \times 55\% = 84.063.320 \text{ đồng}$. Qua đo đạc thực tế thấy ngoài phần diện tích $13.5 m^2$ được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất còn có phần diện tích $11,6m^2$ phía trước giáp mặt phố N là do bà O tự coi nói, xây dựng thêm trong khuôn viên đất thuộc sở hữu nhà nước (thuộc đất công do UBND quận H quản lý) nên Hội đồng định giá không định giá. Do các đương sự đều thống nhất xác nhận chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị quyền sử dụng đất của phần diện tích $13,5 m^2$ tại địa chỉ căn hộ số xx, nhà số xx, phố N,

phường N, quận H, Hà Nội theo giá tại Biên bản định giá tài sản ngày 09/7/2024 nên xác định di sản thừa kế của cụ Lê K và cụ Nghiêm Thị L là phần diện tích 13,5 m² tại địa chỉ căn hộ số 104, nhà số 1, phố N, phường N, quận H, Hà Nội có giá trị là 4.050.000.000 đồng (Bốn tỉ không trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia thừa kế di sản của cụ K và cụ L theo pháp luật:

Cụ Lê K chết năm 1990, không để lại di chúc, do đó thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ K được xác định là ngày 17/2/1990. Cụ Nghiêm Thị L chết năm 2000, không để lại di chúc, do đó thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ L được xác định là ngày 10/4/2000. Do tài sản là căn hộ số xx, nhà số xx, phố N, phường N, quận H, Hà Nội là tài sản chung vợ chồng do đó xác định thời điểm mở thừa kế chung được tính ngày 10/4/2000 (là ngày cụ L chết). Căn cứ vào các Điều 613, 650, 651, 652, 660 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chia thừa kế di sản của cụ K và cụ L theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ L gồm ông D, bà T, bà C, ông T, bà B mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế trị giá là 4.050.000.000 đồng: $5 = 810.000.000$ đồng.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông D được hưởng từ cụ K và cụ L: Do ông D chết ngày 05/8/2020 không để lại di chúc nên phần di sản ông D được hưởng từ cụ Lê K, cụ Nghiêm Thị L sẽ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông D là bà Hoàng Thanh C, chị Lê Hoàng A, anh Lê H, mỗi người được hưởng là: 810.000.000 đồng: $3 = 270.000.000$ đồng. Do chị Hoàng A và anh Lê H xin được tặng lại toàn bộ kỷ phần thừa kế cho mẹ là bà Hoàng Thanh C nên ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị Hoàng A giao toàn bộ kỷ phần thừa kế trị giá 540.000.000 đồng cho bà Hoàng Thanh C được hưởng và quản lý sử dụng.

Đối với kỷ phần thừa kế của bà Lê Cẩm C được hưởng từ cụ K và cụ L: Bà C chết ngày 17/6/2014, ông Thẩm Ngọc A chết ngày 18/12/2009 (chết trước thời điểm bà C chết). Bà C chết không để lại di chúc do đó di sản thừa kế của bà C sẽ do hàng thừa kế thứ nhất của bà C thừa hưởng lại. Hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm chị Thẩm Song U, anh Thẩm Anh T. Do đó, kỷ phần thừa kế chị U, anh T mỗi người được hưởng lại từ bà C có giá trị là: 810.000.000 đồng: $2 = 405.000.000$ đồng. Do anh Thẩm Anh T chết ngày 12/7/2014 (chết sau thời điểm bà Lê Cẩm C chết), anh T chết không để lại di chúc nên kỷ phần thừa kế anh T được hưởng của bà C sẽ do hàng thừa kế thứ nhất của anh T thừa hưởng lại. Hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn gồm chị Bùi Thị T1 (vợ anh Tuấn) và anh Thẩm Anh L (con trai anh Tuấn), do đó chia chị T1, anh L mỗi người được hưởng là 405.000.000 đồng: $2 = 202.500.000$ đồng. Theo xác minh tại công an phường N, chị T1 có nơi cư trú tại địa chỉ số xx N, phường N, quận H, Hà Nội nhưng hiện chị T1 không có mặt tại địa phương nên kỷ phần thừa kế chị T1 được hưởng tạm thời giao cho anh Thẩm Anh L (con trai của chị T1) quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Lê T: Do ông T chết ngày 30/12/2022 không để lại di chúc nên kỷ phần thừa kế của ông T được hưởng từ cụ Lê K, cụ Nghiêm Thị L sẽ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bà Nguyễn Thị Kim O, chị Lê Minh N, anh Lê N1 mỗi người được hưởng là: 810.000.000 đồng: 3 = 270.000.000 đồng. Do chị N và anh N1 xin được tặng lại toàn bộ kỷ phần thừa kế cho mẹ là bà Nguyễn Thị Kim O nên ghi nhận sự tự nguyện của anh N1, chị N giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của anh N1, chị N trị giá 270.000.000 đồng x 2 = 540.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim O được hưởng và quản lý sử dụng.

Do bà Nguyễn Thị Kim O và các đồng thừa kế khác đã thống nhất thoả thuận chia bà O được hưởng thừa kế bằng hiện vật, bà O có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác phần giá trị tương đương với giá trị kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế đó được hưởng nên chia giao toàn bộ tài sản thừa kế là căn hộ số xx, nhà số 1, phố N, phường N, quận H, Hà Nội cho bà O tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà O có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác phần giá trị tương đương với giá trị kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế đó được hưởng như đã phân tích ở trên.

Đối với phần diện tích coi nói 11,6 m² nằm ở vị trí phía trước tiếp giáp mặt phố N được giới hạn bởi các điểm 1;2;3;6; theo hồ sơ trích đo thửa đất ngày 09/7/2024 của Công ty TNHH tư vấn khảo sát và xây dựng V, do đây là phần đất công thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận H nên tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim O được tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc quản lý và sử dụng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản, di sản thừa kế được chia. Các bà Lê Thanh B, Hoàng Thanh C, Lê Nghiêm T, Nguyễn Thị Kim O phải chịu 36.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản thừa kế được chia. Do các bà Lê Thanh B, Hoàng Thanh C, Lê Nghiêm T, Nguyễn Thị Kim O là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn 36.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản thừa kế được chia, được tặng cho. Chị Thẩm Song U phải chịu 20.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản thừa kế được chia. Chị Bùi Thị T1 phải chịu 10.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản thừa kế được chia. Anh Thẩm Anh L phải chịu 10.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản thừa kế được chia.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 613, 650, 651, 652, 660 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, các Điều 157, 165, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh B về việc chia thừa kế tài sản của cụ Lê K và cụ Nghiêm Thị L theo pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ K và cụ L là căn hộ số xx- nhà số xx diện tích 13.5 m² phố N, phường N, quận H, Hà Nội có giá trị là 4.050.000.000 đồng (*Bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*).

3. Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 10/4/2000 (ngày cụ L chết). Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ L gồm: ông Lê D, bà Lê Nghiêm T, bà Lê Cẩm C, ông Lê T, bà Lê Thanh B. Do ông Lê D (chết năm 2020), bà Lê Cẩm C (chết năm 2014), ông Lê Thắng (chết năm 2022) đều chết sau thời điểm cụ Lê K, cụ Nghiêm Thị L chết nên phân di sản ông D, bà C, ông T được hưởng sẽ do hàng thừa kế thứ nhất của ông D, bà C, ông T thừa hưởng lại.

4. Chia di sản thừa kế của cụ K và cụ L thành 05 phần bằng nhau cho 5 người con của cụ K, cụ L là ông Lê D, bà Lê Nghiêm T, bà Lê Cẩm C, ông Lê T, bà Lê Thanh B mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế trị giá là 4.050.000.000 đồng: $5 = 810.000.000$ đồng (*Tám trăm mười nghìn đồng*).

Chia phần di sản thừa kế của ông D được hưởng từ cụ K và cụ L cho hàng thừa kế thứ nhất của ông D là bà Hoàng Thanh C, chị Lê Hoàng A, anh Lê H, mỗi người được hưởng là: $810.000.000$ đồng: $3 = 270.000.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Chia phần di sản thừa kế của ông T được hưởng từ cụ K và cụ L cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bà Nguyễn Thị Kim O, chị Lê Minh N, anh Lê N1 mỗi

người được hưởng 810.000.000 đồng: 3 = 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*)

Chia phần di sản thừa kế của bà C được hưởng từ cụ K và cụ L cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C là chị Thẩm Song U, anh Thẩm Anh T, mỗi người được hưởng là 810.000.000 đồng: 2 = 405.000.000 đồng (*Bốn trăm linh lăm triệu đồng*).

Chia chị Bùi Thị T1 và anh Thẩm Anh L thừa hưởng lại kỹ phần thừa kế của anh Thẩm Anh T, mỗi người được hưởng 405.000.000 đồng: 2 = 202.500.000 đồng (*Hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Do hiện nay chị T1 không có mặt tại cư trú nên kỹ phần thừa kế chị Thúy được hưởng tạm giao cho anh Thẩm Anh L (con trai của chị T1) quản lý. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác cho chị Bùi Thị T1 đối với anh Thẩm Anh L về kỹ phần thừa kế do anh L đang tạm quản lý nếu có yêu cầu.

5. Ghi nhận chị Lê Hoàng A, anh Lê H tự nguyện tặng cho bà Hoàng Thanh C toàn bộ kỹ phần thừa kế có giá trị là $270.000.000 \times 2 = 540.000.000$ đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

6. Ghi nhận chị Lê Minh N, anh Lê N1 tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị Kim O toàn bộ kỹ phần thừa kế có giá trị là $270.000.000 \times 2 = 540.000.000$ đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

7. Chia bà Nguyễn Thị Kim O được hưởng thừa kế bằng hiện vật là căn hộ số 104- nhà số 1 diện tích 13.5 m² phố N, phường N, quận H, Hà Nội. Bà Nguyễn Thị Kim O phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác phần giá trị tương đương với giá trị kỹ phần thừa kế mà các đồng thừa kế đó được hưởng, cụ thể:

- Bà Hoàng Thanh C: 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng).
- Bà Lê Nghiêm T: 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng).
- Chị Thẩm Song U: 405.000.000 đồng (Bốn trăm linh năm triệu đồng).
- Chị Bùi Thị T1: 202.500.000 đồng (Hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng)
- Anh Thẩm Anh L: 202.500.000 đồng (Hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng)
- Bà Lê Thanh B: 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng).

8. Tạm giao bà Nguyễn Thị Kim O tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích đất coi nói 11,6 m² nằm ở vị trí phía trước tiếp giáp mặt phố N được giới hạn bởi các điểm 1;2;3;6; theo hồ sơ trích đo thửa đất ngày 09/7/2024 của Công ty TNHH tư vấn khảo sát và xây dựng V cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc quản lý và sử dụng.

9. Bà Nguyễn Thị Kim O có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất đối với nhà đất là căn hộ số xx- nhà số xx diện tích 13.5 m² phố N, phường N, quận H, Hà Nội theo quyết định của bản án.

10. Về án phí:

- Bà Hoàng Thanh C được miễn 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim O được miễn 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Lê Thanh B được miễn 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Lê Nghiêm T được miễn 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Thẩm Song U phải chịu 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Bùi Thị T1 phải chịu 10.125.000 đồng (Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Thẩm Anh L phải chịu 10.125.000 đồng (Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

11. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Kim Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

